

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 180/2020/DS-PT

Ngày 25-9-2020

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân

*Các thẩm phán:* Ông Văn Công Dân và bà Trần Thị Phụng.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thê là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLPT-DS ngày 26/8/2020 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2020/QĐPT-DS ngày 07/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2020/QĐ-PT ngày 17/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Trần Thị N- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 9, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H- Vắng mặt (theo văn bản uỷ quyền ngày 20/3/2019).

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị D- có mặt

Địa chỉ: Thôn 12, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng

4.1. Ông Phạm Ngọc K- Có mặt

4.2. Ông Nguyễn Ngọc C- Vắng mặt

4.3. Ông Phạm Ngọc T- Có mặt

4.4. Ông Đoàn Cao Minh H- Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.5. Bà Lữ Thị H- Có mặt

4. 6. Ông Lang Văn T- Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.7. Ông Hà Văn Đ- Vắng mặt

4.8. Ông Đinh Hữu T- Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.9. Ông Lương Văn N- Vắng mặt

4.10. Ông Nguyễn Văn C1- Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.11. Bà Lê Thị L- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 11, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.12. Bà Nguyễn Thị L1- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 11b, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.13. Bà Nguyễn Thị H1- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 11b, xã Y, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.14. Bà Trần Thị H2 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 20, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

4.15. Bà Bùi Thị L- Có mặt

Địa chỉ: Buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

4.16. Ông Nguyễn Đình T – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

5. Người kháng cáo: Nguyễn đơn bà Nguyễn Thị Thúy H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2019 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Bà và bà Đoàn Thị D có quan hệ mua bán lúa với nhau từ lâu. Bà D là người bán, bà là người mua. Bà D thường mua

lúa của bà Trần Thị N, để bán lại cho bà. Tính đến ngày 28/4/2018, bà còn nợ tiền mua lúa của bà D là 797.000.000đ.

Ngày 28/4/2018, bà D có việc bận, nên nhờ bà đến nhà bà N nhận giúp số lượng lúa, mà bà D đã mua của bà N. Khoảng 13 giờ cùng ngày, bà đưa xe tải cùng với những người bốc vác lúa, đến nhà bà N để cân lúa và nhận lúa, còn việc thanh toán tiền mua lúa giữa bà D và bà N, hai người tự tính toán và thanh toán cho nhau. Khi bà đến nhà bà N, bà N nói với bà là D còn nợ tiền mua lúa của bà N khoảng 400.000.000đ. Bà N yêu cầu bà thanh toán thay cho bà D tiền mua lúa, nên bà đã đưa cho bà N 100.000.000đ, tại phòng khách nhà N. bà N đếm tiền và nhận tiền trong khoảng thời gian từ 13 giờ 15 phút đến 13 giờ 20 phút ngày 28/4/2018. Việc bà thanh toán tiền mua lúa giúp cho bà D, là để khấu trừ số tiền 797.000.000đ mà bà còn nợ bà D. Việc bà đưa tiền cho bà N không có giấy biên nhận nhưng có sự chứng kiến của những người bốc vác lúa. Sau khi nhận tiền, bà N dẫn bà và những người bốc vác, đến các hộ dân bà N đã mua lúa của họ, để bốc lúa lên xe tải. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bà D điện thoại cho bà, yêu cầu bà trả tiền nợ mua lúa, bà trả lời bà D là đã thanh toán cho bà N 100.000.000đ thay cho bà D và yêu cầu bà D khấu trừ vào khoản tiền nợ. Tuy nhiên, hiện tại bà N không thừa nhận đã nhận của bà 100.000.000đ, dẫn đến bà D không đồng ý khấu trừ cho bà 100.000.000đ vào khoản tiền nợ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị N Phải trả lại cho bà 100.000.000đ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị N trình bày: Bà và bà Đoàn Thị D có quan hệ mua bán lúa với nhau. Bà là người bán, bà D là người mua. Về phương thức mua bán: Mỗi lần nhận lúa, bà D ký nhận vào sổ sách của bà, số lượng lúa đã mua. Sau đó, hai bên đối chiếu sổ sách và thanh toán tiền mua lúa. Giữa bà và bà Nguyễn Thị Thúy H không có quan hệ mua bán với nhau. Khoảng hơn 16 giờ, ngày 28/4/2018, bà H điện thoại cho bà nói rằng đến nhận lúa giúp cho bà D. Bà gặp bà H tại cổng nhà của bà và dẫn bà H đến các hộ dân, mà bà đã mua lúa của họ, để bà H bốc vác lúa lên xe tải. Trong ngày 28/4/2018, bà không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà H. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. Khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 28/4/2018, bà dự đám giỗ tại nhà bố mẹ chồng của bà. Thời gian từ 14 giờ đến 16 giờ ngày 28/4/2018, bà đến các hộ dân bán lúa để mua.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị D trình bày: Bà thường mua lúa của bà N và bán lại cho bà H. Ngày 28/4/2018, bà bận việc gia đình, nên nhờ bà H đến gặp bà N để nhận lúa giúp cho bà số lượng lúa mà bà N bán cho bà. Bà không nhờ bà H thanh toán cho bà N tiền mua lúa. Khoảng 17 giờ ngày 28/4/2018, bà điện thoại yêu cầu bà H trả nợ tiền mua lúa. Bà H trả lời đã thanh toán cho bà N giúp bà tiền mua lúa 100.000.000đ và yêu cầu khấu trừ vào khoản tiền nợ. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận đã nhận của

bà H 100.000.000đ. Việc bà H đưa tiền cho bà N vào lúc nào, bà không biết, vì cả bà N và bà H không đều không báo cho bà biết việc đưa số tiền nêu trên.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Phạm Ngọc K, ông Nguyễn Ngọc C1, ông Đoàn Cao Minh H, ông Lương Văn N, Nguyễn Văn C1 trình bày: Các ông là người làm thuê cho bà Nguyễn Thị Thúy H. Khoảng 13 giờ ngày 28/4/2018, các ông được bà H thuê đi bốc vác lúa bằng xe tải và đến nhà bà Trần Thị N để bốc lúa. Các ông nhìn thấy bà H đưa cho bà N một cọc tiền ngay tại phòng khách nhà bà N. Việc bà H đưa cho bà N bao nhiêu tiền và đưa tiền vì mục đích gì, các ông không biết. Sau đó, bà N chở bà H bằng xe mô tô, còn các ông được chở bằng xe tải, đến các hộ dân bán lúa, bốc vác lúa lên xe tải.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Trần Thị H2 trình bày: Bà thường bán lúa cho bà Nguyễn Thị Thúy H. Bà H còn nợ bà 400.000.000đ. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/4/2018, ông Nguyễn Đình T là chồng bà H có trả cho bà 100.000.000đ. Bà có hỏi ông T, bà H đâu? Ông T trả lời bà H đang bốc lúa lên xe tại xã Y.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Lê Thị L trình bày: Bà là mẹ chồng của bà Trần Thị N. Trưa ngày 28/4/2018, gia đình bà tổ chức đám giỗ, vợ chồng bà N và các con bà N tham dự đám giỗ. Sau khi ăn uống và thu dọn chén, đĩa, đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, bà N đi xe máy rời khỏi gia đình bà.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ngày 28/4/2018, bà bán cho bà N 5,8 tấn lúa. Bà N đưa xe tải và những người bốc vác đến nhà bà, bốc lúa lên xe vào khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Đinh Hữu T trình bày: Ngày 28/4/2018, ông bán lúa cho bà N. Bà N đưa xe tải và những người bốc vác đến nhà ông, bốc lúa lên xe vào khoảng 17 giờ cùng ngày.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà và bà N đều là con dâu bà Lê Thị L. Trưa ngày 28/4/2018, gia đình bà và gia đình bà N đều dự đám giỗ tại nhà bà L. Sau khi ăn uống và thu dọn chén, đĩa, đến khoảng 14 giờ 05 phút cùng ngày, bà N đi xe máy rời khỏi gia đình bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của TAND huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Điều 147 BLTTDS. Điều 166 BLDS năm 2015.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc buộc bà Trần Thị N phải trả lại số tiền 100.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 14/7/2020, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn kháng cáo với lý do: Việc bà đưa cho bà Trần Thị N 100.000.000đ vào ngày 28/4/2018, được bà Đoàn Thị D xác nhận và đồng ý vào cuối buổi chiều cùng ngày. Bà D không có ý kiến gì việc bà đưa tiền cho bà N. Việc bà đưa tiền cho bà N, được những người bốc vác lúa lên xe chứng kiến và xác nhận việc bà đưa tiền. Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Bà Đoàn Thị D thường mua lúa của bà Trần Thị N, để bán lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H. Ngày 28/4/2018, bà D bận việc, nên nhờ bà H đến gặp bà N nhận giúp số lượng lúa mà bà N bán cho bà D. Bà H khởi kiện cho rằng khi bà đến nhà bà N để nhận lúa giúp cho bà D, do bà N yêu cầu, nên bà đã thanh toán giúp cho bà D 100.000.000đ, để khấu trừ khoản tiền mà bà H còn nợ bà D. Do bà N không thừa nhận đã nhận của bà 100.000.000đ, nên bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại cho bà 100.000.000đ. Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà N không thừa nhận đã nhận của bà H 100.000.000đ. Những người làm chứng, được bà H thuê bốc vác lúa lên xe tải, đều thừa nhận họ đã nhìn thấy bà H đưa cho bà N một cọc tiền nhưng không biết số tiền bao nhiêu và mục đích đưa tiền là gì, nên không có căn cứ để xác định bà N đã nhận của bà H 100.000.000đ. Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H việc việc buộc bà N phải trả lại 100.000.000đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bà Trần Thị N và bà Đoàn Thị D có quan hệ mua bán lúa với nhau. Bà D mua lúa của bà N và bán lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H. Về phương thức mua bán giữa bà N và bà D: Mỗi lần bà N bán lúa cho bà D, bà D đưa xe tải đến cân số lượng lúa đã mua và ký vào sổ tay của bà N số lượng lúa

đã nhận. Sau nhiều lần mua bán, các bên đối chiếu sổ sách và thanh toán tiền mua bán cho nhau.

Ngày 28/4/2018, bà D bận việc, nên đã nhờ bà H đến gặp bà N, nhận giúp số lượng lúa đã mua của bà N và bốc lúa lên xe tải, chở về cho bà D. Bà H khởi kiện cho rằng do bà D nhờ, nên khoảng 13 giờ ngày 28/4/2018, bà thuê 06 người bốc vác và đưa xe tải đến nhà bà N, nhận số lượng lúa bà D đã mua của bà N. Tại đây, do bà N yêu cầu bà thanh toán hộ cho bà D tiền mua lúa, nên bà đã đưa cho bà N 100.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D chỉ uỷ quyền cho bà H đến gặp bà N để nhận lúa và chở lúa về cho bà D. Bà D không uỷ quyền cho bà H, thanh toán cho bà N tiền mua lúa. Bà N không thừa nhận đã nhận của bà H 100.000.000đ như bà H trình bày. Bà H cho rằng việc bà đưa tiền cho bà N diễn ra trong khoảng thời gian từ 13 giờ 15 phút đến 13 giờ 20 phút, ngày 28/4/2018 tại phòng khách nhà bà N. Những người bốc vác, được bà H thuê bốc vác lúa lên xe tải đều thừa nhận, họ nhìn thấy bà H đưa cho bà N một cọc tiền nhưng họ không biết số lượng tiền là bao nhiêu, mục đích đưa tiền là gì, nên chưa có căn cứ để xác định bà N đã nhận của bà H 100.000.000đ. Bà N cho rằng trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 28/4/2018, bà không có mặt tại nhà, mà đang tham dự đám giỗ tại nhà bà Lê Thị L. Những người tham dự đám giỗ tại nhà bà L đều xác nhận, trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 28/4/2018, bà N đang có mặt tại nhà bà L.

Về thời điểm bốc lúa lên xe: Bà H và những người bốc vác lúa cho rằng thời gian bốc vác lúa lên xe tải từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ ngày 28/4/2018. Bà N cho rằng khoảng 16 giờ ngày 28/4/2018, bà gặp bà H tại cổng nhà và dẫn bà H cùng với những người bốc vác, đến các hộ dân bà đã mua lúa của họ để bốc vác lúa lên xe. Những người bán lúa cho bà N, đều thừa nhận bà N đưa bà H và những người bốc vác đến gia đình họ bốc lúa lên xe từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ ngày 28/4/2018, thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ họ còn phơi lúa trên sân. Như vậy, lời trình bày của bà H và những người bốc vác cho rằng việc bà H đưa tiền cho bà N diễn ra trong khoảng thời gian từ 13 giờ 15 phút đến 13 giờ 20 phút ngày 28/4/2018 tại nhà bà H là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, những người làm chứng tham dự đám giỗ tại nhà bà L, đều thừa nhận trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 28/4/2018, bà N đang có mặt tại nhà bà L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà N phải trả lại cho bà 100.000.000đ, mà bà đã đưa cho bà N vào ngày 28/4/2018, là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được Tòa án chấp nhận, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 562 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc buộc bà Trần Thị N phải trả lại cho bà 100.000.000đ, mà bà đã đưa cho bà N vào ngày 28/4/2018.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006586 ngày 16/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải nộp số tiền án phí là 2.500.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011892 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huân**